

PHỤ LỤC DANH MỤC HOÁ CHẤT TRÚNG THẦU

(Đính kèm công văn số : 277 /TTYT-KD ngày 24 tháng 03 năm 2025 của Trung tâm Y tế Ninh Sơn)

STT	Danh mục hàng hóa	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Nước sản xuất	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (bao gồm VAT)	Thành tiền	Thời gian cung cấp
1	Diaton /CD 1.6 Diluent	Diaton-CD 1.6 Diluent/h12201	Diagon	Hungari	Diagon Ltd.	Thành phần inorganic salt < 2,1 % organic buffer < 1,1 % stabiliser < 0,01 % Quy cách : Thùng : 20 lít	Thùng	20	1.100.000	22.000.000	12 tháng
	Dia-Rinse/CD 1.6	Dia-Rinse-CD 1.6/h12202	Diagon	Hungari	Diagon Ltd.	Thành phần inorganic salt < 2,1 % organic buffer < 1,1 % detergent < 1,0 % stabiliser < 0,01 % Quy cách : Thùng : 20 lít	Thùng	6	1.250.000	7.500.000	12 tháng
3	Dia-Lyse-Diff D-CF	Dialyse-CD 1.6/h12203	Diagon	Hungari	Diagon Ltd.	Thành Phần • Organic Acid < 0.25 % • Sodium Chloride < 0.58 % • Quaternary Ammonim Salt < 4.2 % Quy cách : Chai : 500ml	Chai	16	800.000	12.800.000	12 tháng
4	Diaton Diff LMG Diluent	Diaton Diff LMG Diluent/h20201	Diagon	Hungari	Diagon Ltd.	Thành Phần • Sodium chloride < 0,5 % • Sodium sulphate < 1,2 % • Sodium Azide < 0.01% • Buffer < 1,2 % • Stabiliser < 0,3 % Quy cách : Thùng : 20 lít	Thùng	20	1.400.000	28.000.000	12 tháng
5	Dia Lyse LMG	Dialyse-Diff-LMG/h2012	Diagon	Hungari	Diagon Ltd.	Thành Phần • Potassium Cyanide < 0.03 % • Sodium chloride < 1.0 % • Sodium Azide < 0.01% • Quaternary Ammonim Salt < 2.8 % Quy cách : Chai 1 lít	Chai	12	1.600.000	19.200.000	12 tháng

6	Dia Cleaner	Dia - Cleaner/h20215	Diagon	Hungari	Diagon Ltd.	Thành Phần • Sodium chloride < 1,5 % • Potassium chloride < 0,03 % • Proteolytic enzymes < 0.3 % • Detergent < 0,4 % • Stabiliser < 0,3 % Quy cách : Chai 1 lít	Chai	24	1.000.000	24.000.000	12 tháng
7	Hematology Control L	Hematology Control L/R&D CBC-3D for Mindray/3D506	R&D SYSTEM S	Hoa Kỳ	R&D SYSTEMS	Control huyết học mức thấp được thiết kế để theo dõi độ chính xác của các máy phân tích huyết học tự động và bán tự động sử dụng phương pháp đo trở kháng. là hóa chất dùng trong chẩn đoán in vitro bao gồm hồng cầu người và động vật có vú, bạch cầu mô phỏng và tiểu cầu mô phỏng, chất lỏng giống huyết tương, chất bảo quản. Lọ : 3ml	Lọ	12	1.600.000	19.200.000	12 tháng
8	Hematology Control N	Hematology Control N/R&D CBC-3D for Mindray/3D506	R&D SYSTEM S	Hoa Kỳ	R&D SYSTEMS	Control huyết học mức trung bình được thiết kế để theo dõi độ chính xác của các máy phân tích huyết học tự động và bán tự động sử dụng phương pháp đo trở kháng. là hóa chất dùng trong chẩn đoán in vitro bao gồm hồng cầu người và động vật có vú, bạch cầu mô phỏng và tiểu cầu mô phỏng, chất lỏng giống huyết tương, chất bảo quản.. Lọ : 3ml	Lọ	12	1.600.000	19.200.000	12 tháng

9	Hematology Control H	Hematology Control H/R&D CBC-3D for Mindray/3D506	R&D SYSTEM S	Hoa Kỳ	R&D SYSTEMS	Control huyết học mức cao được thiết kế để theo dõi độ chính xác của các máy phân tích huyết học tự động và bán tự động sử dụng phương pháp đo trở kháng. là hóa chất dùng trong chẩn đoán in vitro bao gồm hồng cầu người và động vật có vú, bạch cầu mô phỏng và tiểu cầu mô phỏng, chất lỏng giống huyết tương, chất bảo quản.. Lọ : 3ml	Lọ	12	1.600.000	19.200.000	12 tháng
10	Hematology Control L,N,H/CBC- 3D	R&D CBC-3D for Mindray/3D506	R&D SYSTEM S	Hoa Kỳ	R&D SYSTEMS	Control huyết học mức L,N,H được thiết kế để theo dõi độ chính xác của các máy phân tích huyết học tự động và bán tự động sử dụng phương pháp đo trở kháng. là hóa chất dùng trong chẩn đoán in vitro bao gồm hồng cầu người và động vật có vú, bạch cầu mô phỏng và tiểu cầu mô phỏng, chất lỏng giống huyết tương, chất bảo quản. Quy các : Hộp:6X3ML/ Bộ : 3x3ml	Bộ	12	4.800.000	57.600.000	12 tháng
11	Anti A	Anti-A (IgM) Xác định nhóm máu hệ ABO	Spectrum	Ai cập	Egyptian Company for Biotechnology (S.A.E)- Spectrum Diagnostics	Anti A - Kháng thể đơn dòng dẫn xuất từ tế bào dòng lai (CCS) A500100 1,0 ml. - Quy cách: Lọ 10 ml	Lọ	3	105.000	315.000	12 tháng
12	Anti B	Anti-B (IgM) Xác định nhóm máu hệ ABO	Spectrum	Ai Cập	Egyptian Company for Biotechnology (S.A.E)- Spectrum Diagnostics	Anti B - Kháng thể đơn dòng dẫn xuất từ tế bào dòng lai (CCS) B500100 1,0 ml. - Quy cách: Lọ 10 ml	Lọ	3	105.000	315.000	12 tháng

13	Anti AB	Anti- AB (IgM) Xác định nhóm máu hệ ABO	Spectrum	Ai Cập	Egyptian Company for Biotechnology (S.A.E)- Spectrum Diagnostics	Là các thuốc thử có sẵn dẫn xuất từ việc nuôi cấy tế bào chuột lai. Anti-AB kháng thể đơn dòng dẫn xuất từ tế bào dòng lai (CCS) A-5E10; Lọ : 10ml	Lọ	3	110.000	330.000	12 tháng
14	Anti D	Anti- D (IgM +IgG) Xác định nhóm máu hệ Rho	Spectrum	Ai Cập	Egyptian Company for Biotechnology (S.A.E)- Spectrum Diagnostics	Kháng thể đơn dòng có dẫn xuất từ tế bào dòng lai (CCS) Anti-D BS225 1,0ml. Lọ : 10ml	Lọ	2	280.000	560.000	12 tháng
15	Glucoser/LM155 /Archem Saglik San.	Glucoser Reagent/LM155	Archem	Thổ Nhĩ Kỳ	Archem Sağlık Sanayi ve Tic. A.Ş.	* Thành phần thuốc thử Phosphate Buffer pH 6.50 < 240 mM Enzymes Glucosa oxidasa (GOD) > 15000 U/L Peroxidasa (POD) > 500 U/L 4 -Aminofenazona (4-AAP) < 1 mM Phenol < 15mM Surfactant Hộp/ 4x60 mL	Hộp	24	600.000	14.400.000	12 tháng
16	Cholesterol/LM065/ Archem Saghk San.	Cholesterol Reagent/LM065	Archem	Thổ Nhĩ Kỳ	Archem Sağlık Sanayi ve Tic. A.Ş.	* Thành phần thuốc thử Good's Buffer pH 7.2 Sodium cholate < 8.3 mM Enzymes Cholesterol esterase (CHE) > 400 U/L Cholesterol oxidase (CHOD) > 200 U/L Peroxidase (POD) > 500 U/L 4 -Aminophenazone (4-AAP) < 2.4 mM Hộp/ 4x60 mL	Hộp	22	830.000	18.260.000	12 tháng

17	Triglycerides/LM71/ Archem Saglik San.	Triglycerides Reagent/LM71	Archem	Thổ Nhĩ Kỳ	Archem Sağlık Sanayi ve Tic. A.Ş.	* Thành phần thuốc thử GOOD Buffer pH 7.20: 50 mM surfactants p-Chlorophenol: 2 mmol/L Lipoprotein lipase (LPL) > 2000 U/L Glycerol kinase (GK) > 1000 U/L Glycerol-3-oxidas (GPO) > 5000 U/L Peroxidase (POD) > 1000 U/L 4-Aminophenazone (4-AAP): 0,3 mM ATP: 2mM Hộp/ 4x60 mL	Hộp	22	1.250.000	27.500.000	12 tháng
18	HDL cholesterol /LM161/Archem Saglik San.	HDL cholesterol Reagent/LM161	Archem	Thổ Nhĩ Kỳ	Archem Sağlık Sanayi ve Tic. A.Ş.	Thành phần thuốc thử: Thuốc thử 1: Dextran Sulfate ≤ 10 gr/dL Magnesium Chloride Hegzahydrate ≤ 5 gr/dL Preservative Brij 35 ≤ 10 gr/dL Thuốc thử 2: Detergent ≤ 2 % PEG - Cholesterol Esterase ≤ 5 KU/L PEG - Cholesterol Oxidase ≤ 5 KU/L 4 AAP ≤ 1 gr/dL Peroxidase ≤ 8000 U/L Hộp/R1: 4x45 mL + R2: 4x15 mL	Hộp	22	5.200.000	114.400.000	12 tháng

19	LDL CHOLESTEROL DIRECT /LM171/Archem Saglik San.	LDL CHOLESTERO L DIRECT Reagent /LM171	Archem	Thỏ Nhĩ Kỳ	Archem Sağlık Sanayi ve Tic. A.Ş.	Thành phần thuốc thử: Thuốc thử 1: Polyanion detergent 1 Cholesterol esterase : ≤ 200.000 U/L Cholesterol oxidase : ≤ 200.000 U/L Peroxidase : ≤ 200.000 U/L 4- aminoantipyrine TOOS Thuốc thử 2: Detergent 2 TOOS Tris Buffer Hộp/R1: 4x45 mL + R2: 4x15 mL	Hộp	22	5.500.000	121.000.000	12 tháng
20	GOT (AST)/LM70/ Archem Saglik San.	GOT (AST) Reagent /LM70	Archem	Thỏ Nhĩ Kỳ	Archem Sağlık Sanayi ve Tic. A.Ş.	Thành phần thuốc thử Buffer TRIS pH 7.65 < 90 mM Lactate dehydrogenase (LDH) > 900 U/L Malate dehydrogenase (MDH): 600 U/L L-Aspartate < 250 mM Substrate NADH < 0.18 mM 2-oxoglutarate < 14 mM Hộp/R1: 4x40 mL + R2: 4x10 mL	Hộp	20	600.000	12.000.000	12 tháng
21	GPT (ALT)/LM80/Arche m Saglik San.	GPT (ALT)Reagent /LM80	Archem	Thỏ Nhĩ Kỳ	Archem Sağlık Sanayi ve Tic. A.Ş.	Thành phần thuốc thử R1:Buffer TRIS pH 7.8: 80 mmol/L Lactate dehydrogenase (LDH): 800 U/L Malate dehydrogenase (MDH): 600 U/L L-Aspartate: 200 mmol/L R2: Substrate NADH: 0.18 mmol/L α-Ketoglutarate: 12 mmol/L Hộp/R1: 4x40 mL + R2: 4x10 mL	Hộp	20	600.000	12.000.000	12 tháng

22	Bilirubin Total/LM53/Archem Saglik San.	Bilirubin Total Reagent/LM53	Archem	Thổ Nhĩ Kỳ	Archem Sağlık Sanayi ve Tic. A.Ş.	Thành phần thuốc thử Thuốc thử I Sodium benzoate : ≤ 0.30 M Sodium acetate : ≤ 0.50 M Caffeine : ≤ 0.15 M Surfactant Thuốc thử II Sulphanilic acid : ≤ 33 M Hydrochloric acid : ≤ 0.20 M Hộp/R1: 4x60 mL + R2: 4x15 mL	Hộp	4	750.000	3.000.000	12 tháng
23	Bilirubin Direact /LM51/ Archem Saglik San	Bilirubin Direact Reagent /LM51	Archem	Thổ Nhĩ Kỳ	Archem Sağlık Sanayi ve Tic. A.Ş.	Thành phần thuốc thử Thuốc thử 1 Sodium chloride : ≤ 0.01 M EDTA : ≤ 0.30 M Thuốc thử 2 Diazotized 2,4-dichloroaniline : ≤ 0.12 mM Hydrochloric acid : ≤ 0.22 M EDTA : ≤ 0.01 M Hộp/R1: 4x60 mL + R2: 4x10 mL	Hộp	4	750.000	3.000.000	12 tháng
24	Ure/LM72/Archem Saglik San.	Ure reagent/LM72	Archem	Thổ Nhĩ Kỳ	Archem Sağlık Sanayi ve Tic. A.Ş.	Thành phần thuốc thử Tris buffer < 120 mM, pH 7.60 2-Oxoglutarate < 8 mM ADP < 1.6 mM Urease > 8 KU/L GLDH > 800 U/L NADH < 0.60 mM Stabilizers Hộp/R1: 4x50 mL + R2: 4x13 mL	Hộp	14	800.000	11.200.000	12 tháng

25	Creatinine/LM246/ Archem Saglik San.	Creatinine Reagent /LM246	Archem	Thỏ Nhĩ Kỳ	Archem Sağlık Sanayi ve Tic. A.Ş.	Thành phần thuốc thử Thuốc thử 1 Good Buffer pH 7.4: 25 mmol/L eatine amidinohydrolase > 20 KU/L Sarcosine oxidase > 6 KU/L Ascorbate oxidase > 5 KU/L ESPMT > 120 mg/L Thuốc thử 2 Good Buffer pH 7.3: 90 mmol/L Creatine amidinohydrolase > 230 KU/L Peroxidase . 4 KU/L 4-aminoantipyrine > 500 mg/L ESPMT Hộp/R1: 4x60 mL + R2: 4x15 mL	Hộp	14	700.000	9.800.000	12 tháng
26	Uric Acid/LM238/ Archem Saglik San.	Uric Acid Reagent /LM238	Archem	Thỏ Nhĩ Kỳ	Archem Sağlık Sanayi ve Tic. A.Ş.	* Thành phần thuốc thử Buffer Phosphate pH 7.8 < 120 mmol/L Detergent < 1.8 g/l 2-4 Dichlorophenol sulfonate (DCPS) < 4.4 mmol/L Enzymes Uricase: 0.12 U/ml Peroxidase (POD) > 1 U/ml Ascorbate oxidase > 5 U/ml 4-Aminophenazone (4-AP): 1 mmol/L Hộp/ 4x60 mL	Hộp	6	720.000	4.320.000	12 tháng
27	Albumin/LM43/Arch em Saglik San.	Albumin Reagent /LM43	Archem	Thỏ Nhĩ Kỳ	Archem Sağlık Sanayi ve Tic. A.Ş.	* Thành phần thuốc thử Bromcresol Green : ≤ 0.3 mmol/L Buffers, Stabilizers Hộp/ 4x60 mL	Hộp	6	650.000	3.900.000	12 tháng
28	CALCIUM /LMO 61/Archem Saglik San.	CALCIUM Reagent /LMO 61	Archem	Thỏ Nhĩ Kỳ	Archem Sağlık Sanayi ve Tic. A.Ş.	* Thành phần thuốc thử Arsenazo (III): ≤ 0.2 mmol Good's buffer: ≤ 50 mmol pH 6.8 Stabilizers Hộp/ 4x60 mL	Hộp	6	780.000	4.680.000	12 tháng

29	Proterin Total /LM068/Archem Saglik San.	Proterin Total Reagent /LM068	Archem	Thổ Nhĩ Kỳ	Archem Sağlık Sanayi ve Tic. A.Ş.	Thành phần thuốc thử Cupric sulphate ≤ 8 mM, Sodium-potassium Tartrate ≤ 24 mM, Potassium iodide ≤ 8 mM, NaOH ≤ 0.80 M Hộp/ 4x60 mL	Hộp	6	650.000	3.900.000	12 tháng
30	Amylase/LM46/Archem Saglik San.	Amylase Reagent /LM46	Archem	Thổ Nhĩ Kỳ	Archem Sağlık Sanayi ve Tic. A.Ş.	Thành phần thuốc thử: Calcium Acetat : $\leq 7,8$ mmol/L NaOH: ≤ 39 mmol/L Potassium Thiocyanate : ≤ 100 mmol/L 2-Chloro 4 Nitrophenyl- α -maltotriose : ≤ 2.5 mmol/L Hộp/ 4x50 mL	Hộp	8	3.400.000	27.200.000	12 tháng
31	CRP TURBIWR /LM254/Archem Saglik San.	CRP TURBIWR /LM254	Archem	Thổ Nhĩ Kỳ	Archem Sağlık Sanayi ve Tic. A.Ş.	Thành phần thuốc thử Thuốc thử 1: Glycine buffer ≤ 0.12 mol/L, Sodium azide ≤ 0.99 g/L, pH 8.6. Thuốc thử 2: Suspension of latex particles coated with anti-human CRP antibodies, Sodium azide ≤ 0.99 g/L. Hộp/R1: 4x30 mL + R2: 4x30 mL	Hộp	10	6.800.000	68.000.000	12 tháng
32	CRP Turbi WR Calibrator SET (1-5 Levels)/TA105S/Archem Saglik San.	CRP Turbi WR Calibrator SET (1-5 Levels)/TA105S	Archem	Thổ Nhĩ Kỳ	Archem Sağlık Sanayi ve Tic. A.Ş.	Archem CRP Turbi WR Calibrator Set dùng để hiệu chuẩn xét nghiệm CRP Turbi WR. Thành phần: Chứa máu người. Natri Azide (0,09 %) được thêm vào làm chất bảo quản. Hộp/5 x 1,5 mL	Hộp	4	2.250.000	9.000.000	12 tháng

33	HbA1c /LM206/Archem Saglik San.	HbA1c Reagent /LM206/	Archem	Thỏ Nhĩ Kỳ	Archem Sağlık Sanayi ve Tic. A.Ş.	Thành phần thuốc thử Thuốc thử Lyse Stabilizers Buffers, lysing agent, water Thuốc thử R1 Latex: < 0, 15 % Buffer Stabilizers. Thuốc thử R2: Mouse anti-human HbA1c monoclonal antibody < 0.06 mg/mL, goat anti- mouse IgG polyclonal antibody < 0.09 mg/dL, Buffer, stabilizers. Hộp/R1: 2x45 mL + R2: 2x15 mL	Hộp	9	10.500.000	94.500.000	12 tháng
34	HbA1c Calibrator Set (1-4 Levels)/HBCL04 / HBCL05/Archem Saglik San.	HbA1c Calibrator Set Reagent (1- 4 Levels)/HBCL0 4 / HBCL05/	Archem	Thỏ Nhĩ Kỳ	Archem Sağlık Sanayi ve Tic. A.Ş.	HbA1c Calibrator Set dùng để hiệu chuẩn xét nghiệm HbA1c Liquid. Sự định cỡ; bằng cách nhập giá trị trên nhãn trên lọ chất hiệu chuẩn hoặc các giá trị được chỉ định trên bảng giá trị. Thành phần: chứa máu người. Natri Azide (0,09 %) được thêm vào làm chất bảo quản. Hộp/4 x 0,5 mL	Hộp	4	3.400.000	13.600.000	12 tháng
35	HbA1c Control- Low/High Set (1.-2. Levels)/HBCNO 1 / HBCN02/Archem Saglik San.	HbA1c Control- Low/High Set (1.-2. Levels)/HBCNO 1 / HBCN02/	Archem	Thỏ Nhĩ Kỳ	Archem Sağlık Sanayi ve Tic. A.Ş.	HbA1c Control Set dùng để kiểm soát chất lượng xét nghiệm HbA1c Liquid. Thành phần: chứa huyết thanh người.Natri Azide (0,09 %) được thêm vào làm chất bảo quản. Hộp/4 x 0,5 mL	Hộp	4	3.400.000	13.600.000	12 tháng

36	Arcon N (Level I Control) Lyophilized/A3 912/ Archem Saglik San.	Arcon N (Level I Control) Lyophilized/A3 912	Archem	Thổ Nhĩ Kỳ	Archem Sağlık Sanayi ve Tic. A.Ş.	Arcon N Control Level I dùng để kiểm soát chất lượng và hiệu chuẩn các thông số được nêu trong bảng giá trị. Thành phần: Chứa huyết thanh người Natri Azide (0,09 %) được thêm vào làm chất bảo quản. Hộp/5 x 5 mL	Lọ	10	2.900.000	29.000.000	12 tháng
37	Areal Auto (Calibrator) Lyophilized/A39052/ Archem Saglik San.	Areal Auto (Calibrator) Lyophilized/A39 052	Archem	Thổ Nhĩ Kỳ	Archem Sağlık Sanayi ve Tic. A.Ş.	Areal Auto Calibrator dùng để kiểm soát chất lượng và hiệu chuẩn các thông số được nêu trong bảng giá trị. Thành phần: Chứa huyết thanh người Natri Azide (0,09 %) được thêm vào làm chất bảo quản. Hộp/5 x 5 mL	Lọ	8	2.900.000	23.200.000	12 tháng
38	Arcon P (Level II Control) Lyophilized/A3922/ Archem Saglik San.	Arcon P (Level II Control) Lyophilized/A39 22	Archem	Thổ Nhĩ Kỳ	Archem Sağlık Sanayi ve Tic. A.Ş.	Arcon P Control Level II dùng để kiểm soát chất lượng và hiệu chuẩn các thông số được nêu trong bảng giá trị. Thành phần: Chứa huyết thanh người Natri Azide (0,09 %) được thêm vào làm chất bảo quản. Hộp/5 x 5 mL	Lọ	10	2.900.000	29.000.000	12 tháng
39	GGT/LM158/ Archem Saglik San.	GGT Reagent/LM158	Archem	Thổ Nhĩ Kỳ	Archem Sağlık Sanayi ve Tic. A.Ş.	Thuốc thử chẩn đoán để xác định nồng độ Gamma GT. Thành phần thuốc thử Tris buffer ≤ 100 mM pH 8.25, Glycylglycine ≤ 100 mM, L-Glutamyl-3-carboxy-4-nitroanilide ≤ 5 mM. Hộp/R1: 4x60 mL + R2: 4x15 mL	Hộp	10	1.200.000	12.000.000	12 tháng

40	CK-MB/ LM153/ Archem Saglik San.	CK-MB Reagent/ LM153	Archem	Thổ Nhĩ Kỳ	Archem Sağlık Sanayi ve Tic. A.Ş.	Thành phần thuốc thử Thuốc thử 1 Imidazole pH 6.7 $\leq$ 132 mmol/L Glucose $\leq$ 24 mmol/L N-Acetylcystein $\leq$ 27.6 mmol/L Magnesiumacetate $\leq$ 12 mmol/L EDTA $\leq$ 2,52mmol/L ADP $\leq$ 3mmol/L NADP $\leq$ 2,76mmol/L AMP $\leq$ 6mmol/L Diadenosinpentaphosphate $\leq$ 13.2 μmol/L Glucose-6-Phosphate-Dehydrogenase $\geq$ 1.5kU/L Hexokinase $\geq$ 2.5kU/L Kháng thể đa dòng ức chế CK-MM (người) khả năng ức chế (cừu)• 33.3 μkat/L Thuốc thử 2 Creatinephosphate $\leq$ 223 mmol/L Imidazole pH 6.7 $\leq$ 132 mmol/L Glucose $\leq$ 24 mmol/L Magnesiumacetate $\leq$ 12 mmol/L	Hộp	12	2.150.000	25.800.000	12 tháng
41	FERRITIN /LM244/ Archem Saglik San.	FERRITIN Reagent /LM244	Archem	Thổ Nhĩ Kỳ	Archem Sağlık Sanayi ve Tic. A.Ş.	Thuốc thử 1: Glycine buffer $\leq$ 185 mmol/L Sodium chloride $\leq$ 125 mmol/L Sodium azide $\leq$ 1.00 g/L pH 8.2. Thuốc thử 2: Suspension of latex particles coated with anti-human ferritin antibodies Sodium azide $\leq$ 1.00 g/L Hộp/R1: 4x40 mL + R2: 4x10 mL	Hộp	6	10.500.000	63.000.000	12 tháng

42	ALP /LM36/ Archem Saglik San.	ALP Reagent /LM36	Archem	Thổ Nhĩ Kỳ	Archem Sağlık Sanayi ve Tic. A.Ş.	Thành phần thuốc thử 2-amino-2-methyl- 1-propanol buffer : ≤ 0.35 M pH 10.40 (30°C), Magnesium acetate: ≤ 2 mM Zinc sulfate: ≤ 1 mM HEDTA: ≤ 2 mM 4-NPP: ≤ 16 mM Hộp/R1: 4x60 mL + R2: 4x15 mL	Hộp	8	1.050.000	8.400.000	12 tháng
43	IgA Turbi /LM440/ Archem Saglik San	IgA Turbi Reagent /LM440	Archem	Thổ Nhĩ Kỳ	Archem Sağlık Sanayi ve Tic. A.Ş.	Thành phần thuốc thử Thuốc thử 1: Imidazole buffer: ≤ 0.1 mol/L Goa anti-human IgA antibodies. Sodium azide ≤ 0.1 Hộp/R1: 4x40 mL	Hộp	5	13.800.000	69.000.000	12 tháng
44	CHLORIDE /LM464/Archem Saglik San.	CHLORIDE Reagent /LM464/	Archem	Thổ Nhĩ Kỳ	Archem Sağlık Sanayi ve Tic. A.Ş.	Thành phần thuốc thử Mercury (II) tiocyanate: ≤ 2.5 mM Mercury (II) chloride: ≤ 1.2 mM Mercury (II) nitrate: ≤ 22 mM Hộp/ 1x100 mL	Hộp	5	8.250.000	41.250.000	12 tháng
45	Washing Solution/1009020	Washing Solution/100902 0	Spenreact	Tây ban nha	Spinreact S.A.U	Dung dịch rửa Washing Solution dùng để rửa kim hút mẫu cho các dòng máy sinh hóa tự động. Hộp 2 x 250ml	Hộp	10	1.000.000	10.000.000	12 tháng
46	Glugon/500ml	Lugol 500ml/ MI012 STa	Nam khoa	Việt nam	CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ VÀ THƯƠNG MẠI NAM KHOA	Dung dịch thuốc nhuộm. Thành phần của thuốc nhuộm Gram	Chai	1	260.000	260.000	12 tháng
47	Safranine/5 00ml	Safranine 500ml/ MI 018 ST	Nam khoa	Việt nam	CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ VÀ THƯƠNG MẠI NAM KHOA	Dung dịch thành phần của thuốc nhuộm gram	Chai	1	350.000	350.000	12 tháng

[illegible]